BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH LÀO CAI

****

**QUY TRÌNH KỸ THUẬT**

 **PHẪU THUẬT NỘI SOI CẮT LẠI MỎM RUỘT THỪA**

QTKT.04.NGOẠI TH

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Người viết** | **Người kiểm tra** | **Người phê duyệt** |
| **Họ và tên** | **BS. Phan Trọng Trịnh** | **BSCKI. Lê Quyết Thắng** | **BSCKII. Phạm Văn Thinh** |
| Ký  |  |  |  |

**QUY TRÌNH KỸ THUẬT**

**PHẪU THUẬT NỘI SOI CẮT LẠI MỎM RUỘT THỪA**

**1. ĐẠI CƯƠNG**

- Viêm mỏm cụt ruột thừa là tình trạng viêm phần ruột thừa còn lại sau cắt ruột thừa và là một biến chứng hiếm gặp của phẫu thuật cắt ruột thừa.

**2. CHỈ ĐỊNH**

- Viêm mỏm cụt ruột thừa.

**3. CHỐNG CHỈ ĐỊNH**

- Tiền sử phẫu thuật mở ở vùng bụng (tương đối).

- Người bệnh có các bệnh lý mãn tính chống chỉ định của phẫu thuật nội soi.

**4. THẬN TRỌNG**

**5. CHUẨN BỊ**

**5.1. Người thực hiện:**

- Phẫu thuật viên ngoại khoa có chứng chỉ phẫu thuật nội soi.

- 01 phụ mổ.

- 01 giúp việc.

- Kíp dụng cụ: 01 dụng cụ viên.

**5.2. Thuốc**

- Dd Natriclorid 0,9 %

**5.3. Vật tư**

- Găng tay phẫu thuật, áo, khẩu trang,mũ, săng mổ…

- Miếng dán vết mổ ( Opside)

- Lưỡi dao mổ các loại.

- Chỉ khâu các loại.

- Bông gạc,băng dính…

- Tay dao điện, vật liệu cầm máu, tấm Mass dao điện…

- Ống dẫn lưu

- Kẹp Hemolock

- Cồn 70 độ

- DD povidine

- Nước rửa tay

- Khí CO2

**5.4. Trang thiết bị:**

- Thiết bị nội soi cơ bản: bộ trocar, dụng cụ phẫu thuật nội soi.

- Thiết bị nội soi một lỗ đối với phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa một vết mổ.

- Dao điện đơn cực, máy hút.

**5.5. Người bệnh** - Giải thích với người bệnh và gia đình về: tình trạng bệnh, tình trạng toàn thân, phương pháp phẫu thuật, các tai biến, biến chứng có thể gặp do bệnh lý, phẫu thuật, gây mê và cơ địa người bệnh. Giải đáp những thắc mắc của người bệnh và gia đình về bệnh lý, phẫu thuật trong phạm vi cho phép.

- Nhịn ăn uống ít nhất 6 giờ trước phẫu thuật.

- Cho người bệnh đi tiểu hay đặt sonde tiểu trước phẫu thuật.

**5.6.Hồ sơ bệnh án**

- Hồ sơ bệnh án ngoại khoa đầy đủ, lâm sàng, cận lâm sàng, thăm dò chức năng phục vụ chẩn đoán và điều trị.

- Các biên bản hội chẩn, phiếu duyệt mổ, cam đoan của bệnh nhân hoặc người nhà

**5.7. Thời gian thực hiện kỹ thuật** từ 30 phút đến 1 giờ.

**5.8. Địa điểm thực hiện kỹ thuật**

Tại các phòng mổ vô trùng có đầy đủ các máy móc thiết bị phù hợp cho ca phẫu thuật nội soi.

**5.9 Kiểm tra hồ sơ**

a. Kiểm tra người bệnh: Đánh giá tính chính xác của người bệnh: đúng người bệnh, đúng chẩn đoán, đúng vị trí cần phẫu thuật…

b. Thực hiện đúng bảng kiểm an toàn phẫu thuật, thủ thuật.

**6 . TIẾN HÀNH QUY TRÌNH KỸ THUẬT**

- Tư thế người bệnh: nằm ngửa.

- Vị trí người thực hiện phẫu thuật: Phẫu thuật viên chính đứng ở bên trái người bệnh, người phụ cầm camera đứng bên phải của phẫu thuật viên chính, dụng cụ viên đứng ngang gối bên phải người bệnh. Màn hình để phía dưới chân người bệnh, bàn dụng cụ để ngang gối người bệnh.

- Dán tấm Mass dao điện, cố định bệnh nhân chắc chắn trên bàn mổ.

- Sát trùng vùng mổ, trải săng vô khuẩn.

**6.1. Bước 1:**

- Đặt các trocar, một trocar ở vùng cạnh rốn để sử dụng camera nội soi và hai trocar để sử dụng các dụng cụ thao tác.

**6.2. Bước 2:**

- Kiểm tra đánh giá tình trạng ổ phúc mạc, các tạng. Bộc lộ và đánh giá tình trạng của mỏm ruột thừa.

**6.3. Bước 3**

Phẫu tích mạc treo ruột thừa đến sát gốc ruột thừa còn lại. Cầm máu mạc treo ruột thừa bằng dao điện nội soi, các nguồn năng lượng khác hoặc bằng stapler..

**6.4. Bước 4:**

- Buộc chỉ gốc ruột thừa và cắt mỏm ruột thừa. Hoặc sử dụng Hemolock để cặp, stapler để khâu và cắt mỏm ruột thừa.

**6.5. Bước 5:**

- Hút dịch bẩn ổ phúc mạc. Trường hợp viêm phúc mạc, nhiều dịch bẩn và giả mạc, bơm dung dịch nước muối đẳng trương rửa ổ phúc mạc. Trường hợp nhiễm bẩn ở phúc mạc nhiều, phẫu thuật viên đánh giá không rửa sạch ổ phúc mạc bằng phẫu thuật nội soi, tiến hành chuyển sang phẫu thuật mở.

**6.6. Bước 6:**

- Lấy bệnh phẩm ra ngoài qua vị trí vết mổ.

- Đặt dẫn lưu ở trường hợp viêm phúc mạc nhiều dịch bẩn.

- Đóng các vị trí trocar.

**6.7. Kết thúc quy trình**

- Đánh giá tình trạng người bệnh sau phẫu thuật.

 - Hoàn thiện ghi chép hồ sơ.

- Bàn giao người bệnh về phòng hồi tỉnh theo dõi sau phẫu thuật.

**7. THEO DÕI VÀ XỬ LÝ TAI BIẾN**

**7.1.Theo dõi**

- Điều trị thuốc kháng sinh và giảm đau ở thời gian hậu phẫu.

- Hướng dẫn người bệnh vận động sớm sau khi hồi tỉnh.

- Cho người bệnh ăn sớm nếu có biểu hiện nhu động ruột phục hồi.

- Theo dõi các biến chứng sau phẫu thuật: viêm phúc mạc do bục gốc ruột thừa, rò manh tràng, thương tổn tạng rỗng, chảy máu trong ổ phúc mạc, áp xe tồn lưu, nhiễm trùng, chảy máu vết mổ, tràn khí dưới da.

**7.2. Xử lý tai biến**

- Chảy máu ổ phúc mạc: có thể xuất phát từ động mạch mạc treo ruột thừa, thương tổn mạch máu mạc treo hồi manh tràng, bó mạch chậu ngoài bên phải hoặc chảy máu từ thành bụng ở vị trí đặt trocar. Trường hợp này nếu điều trị nội khoa thất bại, cần chỉ định phẫu thuật để cầm máu.

- Viêm phúc mạc toàn thể: do bục gốc ruột thừa, thương tổn manh tràng, ruột non. Cần phẫu thuật lại để xử trí thương tổn.

- Thương tổn niệu quản phải: Niệu quản bị rách, thì khâu vết rách và kèm dẫn lưu vị trí mổ. Nếu niệu quản đứt hẳn thì có thể nối ngay kiểu tận tận kèm dẫn lưu. Không có điều kiện nối ngay, thì phải đưa đầu trên của niệu quản ra ngoài thành bụng. Sau một thời gian sẽ tiến hành nối lại niệu quản.

- Áp xe tồn lưu: được điều trị như các khối áp xe trong ổ phúc mạc.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Hướng dẫn quy trình Phẫu thuật Nội soi, Bộ Y tế số 7708/ QĐ- BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016

2. Quyết định số 3023/ QĐ- BYT ngày 28 tháng 7 năm 2023 Của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “ Đề cương tài liệu chuyên môn Hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh”

 PHỤ LỤC

**DANH MỤC**

**CHUẨN BỊ ĐỂ THỰC HIỆN KỸ THUẬT PHẪU THUẬT NỘI SOI CẮT LẠI MỎM RUỘT THỪA**

 *(Ghi chú: danh mục và số lượng có thể thay đổi trển thực tế thưc hiện kỹ thuật tuỳ từng trường hợp cụ thể hoặc diễn biến trong cuộc mổ)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Danh mục chuẩn bị** | **Đơn vị** | **Số lượng** |
| 1 | **Lao động trục tiếp**  | Người | 4 |
| 1.1 | Phẫu thuật viên chuyên khoa | Người | 1 |
| 1.2 | Phụ mổ | Người | 1 |
| 1.3 | Dụng cụ viên | Người | 1 |
| 1.4 | Giúp việc | Người | 1 |
| **2** | **Thuốc**  |  |  |
| 2.1 | Dd Natriclorid 0,9% ( chai 500ml) | Chai | 4 |
| **3** | **Vật tư**  |  |  |
| 3.1 | Lưỡi dao mổ  | cái | 1 |
| 3.2 | Gạc mổ nhỏ | gói  | 2 |
| 3.3 | Chỉ khâu cân cơ các loại | sợi | 1 |
| 3.4 | Chỉ khâu da  | sợi | 1 |
| 3.5 | Tấm Mass dao điện | Cái | 0.2 |
| 3.6 | Hemolock | Cái | 1 |
| 3.7 | Tay dao điện | cái | 0.2 |
| 3.8 | Ống dẫn lưu | cái | 1 |
| 3.9 | Povidine | ml | 100 |
| 3.10 | Băng dính | cuộn | 0.05 |
| 3.11 | Khí CO2 | lít | 2 |
| 3.12 | Găng tay mổ | đôi | 4 |
| 3.13 | Cồn 70 độ | ml | 30 |
| 3.14 | Dung dịch rửa tay | ml | 50 |
| 3.15 | Áo mổ | cái | 0.015 |
| 3.16 | Khẩu trang | cái | 0.015 |
| 3.17 | Khăn lau tay | cái |  0.06 |
| 3.18 | Săng mổ 2×1.45m | cái |  0.013 |
| 3.19 | Mũ vải | cái |  0.015 |
| **4** | **Trang Thiết bị**  (sử dụng trực tiếp) |  |  |
| 4.1 | Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi | bộ | 1 |
| 4.2 | Máy Hút | cái | 1 |
| 4.3 | Dao điện | cái | 1 |